

NGUYÊN NHÂN CHÍNH CHO THÀNH CÔNG CỦA CHÚNG TÔI

LƯỢNG VÁN ÉP GỖ BẠCH DƯƠNG LỚN VÀ ỔN ĐỊNH

- 27 655 container (40') ván ép gỗ bạch dương hàng năm (1 020 249 m³ = 27 655 (40'))
- 6 nhà máy ván ép được đặt tại những khu vực dễ dàng tiếp cận nguồn nguyên liệu thô
- Các cỡ ván ép chính: 5x5, 4x8, 8x5, 5x10

SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG CAO

- Ván mỏng gỗ bạch dương 100 %
- Máy móc hiện đại từ những nhà chế biến gỗ hàng đầu thế giới
- Thường xuyên kiểm tra để giám sát hiệu năng sản xuất

VÁN ÉP ĐẠT CHỨNG NHẬN-FSC (FSC™ C107425)

- SVEZA cam kết khai thác tài nguyên rừng một cách có trách nhiệm, được xác nhận bởi các chứng nhận quốc tế FSC

QUẢN LÝ CÁ NHÂN CHO TỪNG KHÁCH HÀNG

- Thái độ có trách nhiệm và khả năng trao đổi thông tin chặt chẽ từ quản lý đến khách hàng

HỖ TRỢ KHÁCH HÀNG TIẾP THỊ

- Chương trình hợp tác quảng cáo: triển lãm, quảng cáo, hội nghị, PR

CÁC NHÀ SẢN XUẤT SÀN GỖ KỸ THUẬT SỬ DỤNG VÁN ÉP SVEZA

MOPAR
CROATIA

PPS-GALEKOVIĆ
CROATIA

PARKETT HERTER
ĐỨC

MARDEGAN LEGNO
HUNGARY

HEPPNER
HOA KỲ

FB HOUT
HÀ LAN



DIN 68705-3 –
BFU 100 – MPA HB



Tiêu chuẩn EN 13986 FPC
được chứng nhận bởi Cơ
quan Kiểm định 1075 -
MPA Bremen



ATCM 93120

www.sveza.com

© SVEZA 01/2020

Thông tin được cung cấp không phải là một đề nghị công khai.

SVEZA® PARQUET

LỚP NỀN ĐƯỢC CÂN CHỈNH
CHẤT LƯỢNG CAO DÀNH CHO
SẢN XUẤT SÀN GỖ KỸ THUẬT

SÀN TỐT NHẤT BẮT ĐẦU
VỚI NHỮNG LỚP HOÀN
HẢO



Đứng đầu thế giới về sản phẩm ván ép gỗ
bạch dương

WWW.SVEZA.COM

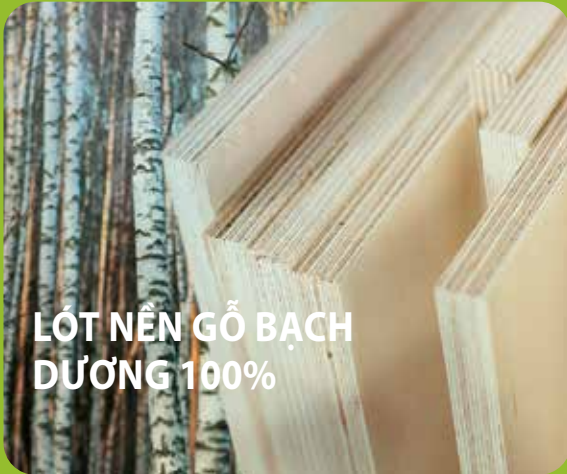


SVEZA® PARQUET

Lớp nền gỗ bạch dương 100 %
thỏa mãn những yêu cầu chủ
chốt của các nhà sản xuất sàn
gỗ kỹ thuật



ĐÓNG GÓI PHỦ
PHIM



LỚT NỀN GỖ BẠCH
DƯƠNG 100%



DUNG SAI ĐỘ DÀY
 $\pm 0,2$ MM

SVEZA®
PARQUET
STANDARD

"Phẩm cấp tiêu chuẩn công nghiệp cho sản xuất sàn gỗ kỹ thuật. Với keo WBP, dung sai độ dày hẹp, tối ưu độ ẩm và đóng gói, giữ nguyên hàm lượng ẩm ban đầu của mỗi tấm ván." Nó cho phép nhà sản xuất sàn gỗ giảm thiểu chi phí sản xuất và mang đến sự ổn định cho việc thi công kỹ thuật.



SVEZA[®] PARQUET PREMIUM

Ngoài việc đáp ứng các yêu cầu công nghiệp chính sản phẩm còn có độ bền kết dính vượt trội (kết quả kiểm tra độ bền kết dính bên trong $\geq 1,75$ MPa). Điều này đạt được bằng cách chỉ sử dụng ván mỏng rắn với số lượng tối thiểu các khiếm khuyết ở cả lớp bên ngoài và bên trong. Dành cho các nhà sản xuất sàn gỗ kỹ thuật, yêu cầu chất lượng cực kỳ cao.



HÀM LƯỢNG ẨM
5-9%



ĐỘ BẮM DÍNH
VƯỢT TRỘI



KEO WBP



VÁN MỎNG CHỌN LỌC
CHO LỚP NGOÀI VÀ LỚP
TRONG



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Kích cỡ chuẩn, dài × rộng, mm (ft)	1.220 × 2.440 / 1.250 × 2.500 (4 × 8) 2.440 × 1.220 / 2.500 × 1.250 (8 × 4) 1.525 × 1.525 (5 × 5)
Độ dày, mm	6–15 (có độ dày đặc biệt tùy theo yêu cầu khách hàng)
Phẩm cấp ván mỏng mặt ngoài	PST CP/CP, PST CP/C, PPR BB/CP, PPR CP/CP
Loại keo	ngoại thất (WBP)
Phân loại khí thải formaldehyde	E1
Mật độ, kg/m ³	640–700
Hàm lượng ẩm, %	5–9*
Loại bề mặt	đá chà nhám/đá chà nhám (S2S)
Sản xuất theo giấy phép STO 00255266-001-2017 ván ép gỗ bạch dương SVEZA Parquet. Xem thêm về STO đến mục Thư viện tại www.sveza.com	

* Ván ép được kiểm tra bằng phương pháp phòng thí nghiệm / trọng lượng.

Các giới hạn độ ẩm được chỉ định phải được tuân thủ khi vận chuyển ván ép SVEZA PARQUET từ kho của nhà sản xuất

SỐ TẤM TRONG MỘT KIỆN HÀNG

Độ dày danh nghĩa của ván ép, mm	Chiều cao kiện hàng, mm						
	Số tấm trong một kiện hàng, tấm	400			Số tấm trong một kiện hàng, tấm	600	
		Thể tích, m ³				Thể tích, m ³	
		1.220 × 2.440 mm	1.250 × 2.500 mm	1.525 × 1.525 mm		1.220 × 2.440 mm	1.250 × 2.500 mm
6	65	1,161	1,219	0,907	100	1,786	1,875
6,5	62	1,200	1,259	0,937	92	1,780	1,869
8	50	1,191	1,250	0,930	75	1,786	1,875
9	44	1,179	1,238	0,921	67	1,795	1,884
12	33	1,179	1,238	0,921	50	1,786	1,875
15	26	1,161	1,219	0,907	40	1,786	1,875

DUNG SAI KÍCH CỠ

Độ dài hoặc độ rộng của tấm ván ép, mm	Dung sai, mm
1.220 / 1.250	±3,0
1.500 / 1.525	±4,0
2.440 / 2.500	±4,0
3.000 / 3.050	±5,0

DUNG SAI ĐỘ DÀY ANCES

Độ dày danh nghĩa của ván ép	Số lớp ép, không được ít hơn, lớp	Dung sai tối đa, mm
6	5	±0,2
6,5	5	
8	7	
9	7	
9,1	7	
12	9	
12,7	9	
14,9	11	
15	11	

Độ dày thực tế, số lớp ép và dung sai có thể khác với tiêu chuẩn ban đầu tùy thuộc vào các điều khoản đã thỏa thuận với khách hàng

ĐỘ BỀN

Tiêu đề	Độ dày, mm	Chỉ số
SVEZA Parquet Premium Độ bền khi kéo vuông góc bề mặt (Độ bám dính trong), MPa, không ít hơn	6–15	1,75
SVEZA Parquet Standard Độ bền khi kéo vuông góc bề mặt (Độ bám dính trong), MPa, không ít hơn	6–15	—
Độ bền khi cắt xuyên qua các lớp liên kết, N/mm ² , không ít hơn	6–15	1
Độ bền khi uốn tĩnh, N/mm ² , không ít hơn		
- dọc theo thớ gỗ lớp ngoài	9–15	60
- cắt ngang thớ gỗ lớp ngoài		30
Mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh, N/mm ² , không ít hơn		
- dọc theo thớ gỗ	9–15	6.000
- vân ngang		3.000

TIÊU CHUẨN VỀ SỨC TẢI

Cỡ, ft	Chiều cao kiện hàng, mm	Container		Xe tải		Ôtô ray	
		Số kiện hàng	Thể tích, m ³	Số kiện hàng	Thể tích, m ³	Số kiện hàng	Thể tích, m ³
8×4×8 (2440×1220×2440) (2500×1250×2500)	400	32	37	24	30	64	80
	600	—		16	30	—	
5×5 (1525×1525)	400	40	37	32	30	62–82	58–75